

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST

Ngày 21/7/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sĩ Tiến

2. Ông Vũ Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt C – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 về “*Ly hôn, tranh chấp về con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị L, sinh năm 1980, có mặt

Căn cước công dân số 038180001700 cấp ngày 01/3/2021;

+ *Bị đơn:* Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1979, có mặt

Căn cước công dân số 056079000033 cấp ngày 28/06/2022

Cùng địa chỉ: Số C C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

Bà Phan Thị L và ông Hồ Thanh T có thời gian tìm hiểu khoảng 6 năm và tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND phường R, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 09/7/2018.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông T, bà L chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do không có sự yêu thương, chăm sóc tôn trọng lẫn nhau, nhất là

về vấn đề tài chính. Ông T không có việc làm ổn định, không đủ khả năng để lo cho vợ con, dành nhiều thời gian rượu chè trong khi nợ nần rất nhiều nhưng không lo làm trả nợ. Ông T còn tự ý dùng tài sản riêng của bà để cầm cố lấy tiền tiêu xài mà không hỏi ý kiến, bà L đã vay mượn người thân, bạn bè rất nhiều lần để giúp ông T ổn định công việc nhưng ông T không trân trọng sự cảm thông cố gắng của bà mà còn làm mất lòng tin của bà và gia đình. Về việc ông T cho rằng bà L có tình cảm với người đàn ông là không đúng. Hiện nay mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông T, bà L có 01 (một) con chung là cháu Hồ Thanh V, sinh ngày 10/5/2023. Bà L yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà L không đồng ý để ông T nuôi con vì ông T nghiện rượu, khi đi uống rượu với bạn bè còn mang theo con nhỏ nhưng không quan tâm, để ý đến con nên bà hoàn toàn không yên tâm việc giao con cho ông T nuôi dưỡng. Hơn nữa, ông T không có việc làm ổn định, công việc bấp bênh, không có nhà cửa ổn định. Thực tế thu nhập của ông T không đúng như ông T trình bày, các chứng cứ làm việc tại các công ty của ông T là ngụy tạo, không trung thực. Từ khi kết hôn ông T chưa đưa bất cứ khoản tiền nào để lo cho gia đình, tất cả các chi phí trong gia đình đều là do bà L lo liệu từ trước đến nay và bà có đủ điều kiện để nuôi dạy con cái, thu nhập của bà hiện nay khoảng 40.000.000 đồng/tháng (chưa trừ thuế).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Thanh T trình bày:

Ông Hồ Thanh T và bà Phan Thị L tự nguyện chung sống từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường R, TP ., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 09/7/2018.

Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 01 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do bà L có tình cảm với người đàn ông khác. Ông là đàn ông thỉnh thoảng đi giao lưu bia rượu với bạn bè về nhà bà L tỏ thái độ không tôn trọng dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông T không đồng ý vì đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ hàng ngày giữa vợ chồng, không phải lý do để dẫn tới việc ly hôn.

Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, về con chung: Có 01 (một) con chung là cháu Hồ Thanh V, sinh ngày 10/5/2023. Ông T yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con 8.000.000đồng/tháng. Ông T yêu cầu nuôi con vì ông là người trực tiếp chăm sóc con từ khi con được 06 tháng đến nay, công việc của bà L rất bận, không có thời gian để chăm sóc con. Ông T hiện nay đang làm công việc bán dừa, thu nhập khoảng 15.000.000đồng/tháng và ông có đủ khả năng để nuôi con. Ngoài ra ông L còn làm việc cho 02 Công ty TNHH T1 và Công ty TNHH C1, thu nhập mỗi tháng 20.000.000 đồng. Ông

không đồng ý để bà L nuôi con vì hiện nay mặc dù chưa ly hôn nhưng bà L đã ngăn cản việc ông liên lạc với con, chặn số liên lạc của ông.

Về nợ chung và tài sản chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà L được ly hôn với ông T. Về con chung: Do cháu V còn nhỏ 38 tháng tuổi nên cần giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đang cư trú tại phường R, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị L và ông Hồ Thanh T tự nguyện chung sống từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới, có thời gian tìm hiểu khoảng 6 năm, được UBND phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường R, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 09/7/2018.

Qua thời gian chung sống giữa hai ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà L cho rằng do ông T thường xuyên rượu chè về nhà không kiềm chế được bản thân có thái độ vũ phu với bà L, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không còn yêu thương, chăm sóc tôn trọng lẫn nhau. Ông T không có việc làm ổn định, mở Công ty kinh doanh nhưng bị thua lỗ nợ nần rất nhiều nhưng không lo làm việc để trả nợ và còn tự ý dùng tài sản riêng của bà để cầm cố lấy tiền tiêu xài mà không hỏi ý kiến. Để không làm ảnh hưởng đến danh dự của gia đình bà L vay mượn người thân, bạn bè để thanh toán nợ cho ông T nhưng ông T không biết trân trọng còn làm mất lòng tin của bà và gia đình. Về phía ông T cho rằng do bà L có tình cảm với người đồng

nghiệp tên Đinh Hữu L1, thường xuyên liên lạc qua điện thoại, khi ông T biết được thì ngày 9/03/2026 chính ông L1 đã viết bản cam kết hứa không liên lạc và gặp mặt ngoài công việc với bà L nữa. Do đó ông T không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường R, Thành phố Hồ Chí Minh kết quả xác minh cho thấy ngày 07/6/2026 giữa ông T và bà L xảy ra mâu thuẫn trong gia đình, Công an phường R đã mời hai ông bà làm việc và hòa giải mâu thuẫn. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên bà L trở về đoàn tụ nhưng bà L cương quyết ly hôn và khẳng định vợ chồng không còn hòa hợp, mâu thuẫn không thể giải quyết. Về phía ông T mặc dù mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để bà L thay đổi ý định ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L, ông T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông T là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Ông T và bà L có 01 (một) con chung là cháu Hồ Thanh V, sinh ngày 10/5/2023. Bà L và ông T đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Thanh V. Các chứng cứ của bà L và ông T cung cấp cho Tòa án thể hiện hai bên có công việc và thu nhập ổn định. Tuy nhiên xét về điều kiện của bà L sẽ đảm bảo về điều kiện sinh hoạt hơn ông T vì đã có nhà riêng. Hội đồng xét xử có phân tích động viên ông T nên giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T sẽ hỗ trợ bà L trong việc đưa đưa con đến trường học nhưng ông T không đồng ý vẫn tha thiết xin được nuôi con. Xét thấy, bà L đảm bảo các điều kiện để chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành,

đồng thời hiện nay cháu V mới 38 tháng tuổi nên cần áp dụng Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Do bà L là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L đối với ông Hồ Thanh T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị L được ly hôn với ông Hồ Thanh T.

2. Về con chung: Bà Phan Thị L và ông Hồ Thanh T có 01 (một) con chung là cháu Hồ Thanh V, sinh ngày 10/5/2023. Giao cháu Hồ Thanh V cho bà Phan Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị L không yêu cầu ông Hồ Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Hồ Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị L, ông Hồ Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0033402 ngày 28/05/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Phan Thị L đã nộp xong án phí. Ông Hồ Thanh T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11 - TP. HCM;
- Thi hành án Dân sự TP. HCM;
- UBND phường Rạch Dừa, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Yến Oanh